

Số: /BC-CĐKT

Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO

kết quả khảo sát đơn vị sử dụng lao động về hoạt động của nhà trường, mức độ đáp ứng của học sinh, sinh viên tốt nghiệp và chất lượng chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2025

Kính gửi: Lãnh đạo Trường.

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-CĐKT ngày 24/7/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kon Tum;

Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí và quy trình đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 2310/TCGDNN-KĐCL ngày 24/10/2022 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về hướng dẫn đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn trường cao đẳng chất lượng cao;

Căn cứ Quyết định số 1088/QĐ-CĐKT ngày 14/8/2024 của Trường Cao đẳng Kon Tum ban hành mức chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động của nhà trường và chất lượng các chương trình đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch số 61/KH-CĐKT ngày 21/01/2025 của Trường Cao đẳng Kon Tum về khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động của nhà trường năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 448/TB-CĐKT ngày 21/4/2025 của Trường Cao đẳng Kon Tum về triển khai khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động của nhà trường năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 126/QĐ-CDKT ngày 07/8/2025 của Hiệu trưởng nhà trường ban hành Quy chế khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động của nhà trường và chất lượng các chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-CDKT ngày 15/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum ban hành mẫu phiếu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động của nhà trường và chất lượng các chương trình đào tạo.

Trường Cao đẳng Kon Tum báo cáo kết quả khảo sát đơn vị sử dụng lao động (SDLĐ) về mức độ đáp ứng của học sinh sinh viên (HSSV) tốt nghiệp và chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) các ngành, nghề (NN) năm 2025, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỢT KHẢO SÁT

1. Mục đích

- Đánh giá hoạt động của nhà trường, mức độ đáp ứng công việc của HSSV tốt nghiệp và chất lượng CTĐT các NN qua việc lấy ý kiến của đơn vị SDLĐ.

- Giúp lãnh đạo nhà trường có cơ sở để nhận xét, đánh giá các hoạt động đào tạo chuyên môn của nhà trường, từ đó có các giải pháp nhằm cải tiến để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của đơn vị SDLĐ.

- Hoàn thiện việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, đáp ứng các yêu cầu công tác kiểm định chất lượng các CTĐT trình độ trung cấp, cao đẳng, chất lượng nhà trường và bảo đảm các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá Trường cao đẳng chất lượng cao.

2. Số lượng đơn vị sử dụng lao động khảo sát

Tổng số đơn vị khảo sát là 138, số lượng đơn vị trả lời là 132 đơn vị, đạt tỷ lệ 95.65%. Đối tượng được các đơn vị SDLĐ và đánh giá là HSSV tốt nghiệp năm học 2024-2025 của nhà trường thuộc 15 NN bao gồm: May thời trang (TC), Hàn (TC), Công nghệ ô tô (TC&CD), Điện công nghiệp (TC), Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (TC), Công tác xã hội (CD), Lâm sinh (TC&CD), Chăn nuôi - Thú y (TC), Hướng dẫn du lịch (TC), Trồng trọt (TC), Dược (CD), Điều dưỡng (CD), Giáo dục mầm non (CD).

(Danh sách đơn vị tham gia khảo sát và phản hồi có tại Phụ lục I kèm theo)

II. HÌNH THỨC KHẢO SÁT VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Hình thức khảo sát

Khảo sát bằng hình thức trực tuyến qua đường link: <https://docs.google.com/forms/d/1knAQjIZAPHK9kJETq38SZO05IWbVxVKhTaapUfAHcCQ/edit>

2. Phương pháp đánh giá: Sử dụng thang đo Likert để đánh giá.

Kết quả dữ liệu khảo sát được nhập và xử lý số liệu bằng Google Drive và Excel.

- Đối với các câu hỏi đánh giá mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp, cách tính như sau: Giá trị trung bình của các mục năng lực kiến thức lý thuyết nghề, kỹ năng thực hành nghề, mức độ tự chủ và trách nhiệm theo thang điểm từ 1 đến 5 (1= Hoàn toàn không đáp ứng; 2= Phần lớn không đáp ứng; 3= Đáp ứng trung bình; 4= Đáp ứng phần lớn; 5= Đáp ứng hoàn toàn).

- Đối với các câu hỏi đánh giá mức độ hài lòng của đơn vị SDLĐ về các hoạt động khác của nhà trường và chất lượng các CTĐT, mỗi câu hỏi có 5 mức độ đánh giá, được ký hiệu các số tương ứng từ 1 đến 5 (1= Hoàn toàn không hài lòng, 2= Không hài lòng, 3= Hài lòng, 4= Khá hài lòng, 5= Rất hài lòng).

Cách tính: Tính giá trị trung bình phần trả lời của từng đơn vị; sau đó giá trị trung bình của từng tiêu chí và nhóm tiêu chí để đưa ra kết luận. Nếu ĐTB = <1.5 điểm: Kém (hoàn toàn không đáp ứng/ hoàn toàn không hài lòng); ĐTB từ 1.5 đến 2.5 điểm: Yếu (phần lớn không đáp ứng/phần lớn không hài lòng); ĐTB từ 2.5 đến 3.5 điểm: Trung bình (đáp ứng trung bình/hài lòng); ĐTB từ 3.5 đến 4.5 điểm: Khá (đáp ứng phần lớn/khá hài lòng); ĐTB từ 4.5 đến 5: Tốt (hoàn toàn đáp ứng/hoàn toàn hài lòng).

Cách tính tổng mức hài lòng/đồng ý trở lên: Tính giá trị trung bình phần trả lời của từng đơn vị SDLĐ, sau đó tính % đơn vị SDLĐ có phần trả lời có giá trị trung bình từ 4 trở lên so với tổng số đơn vị SDLĐ được đánh giá.

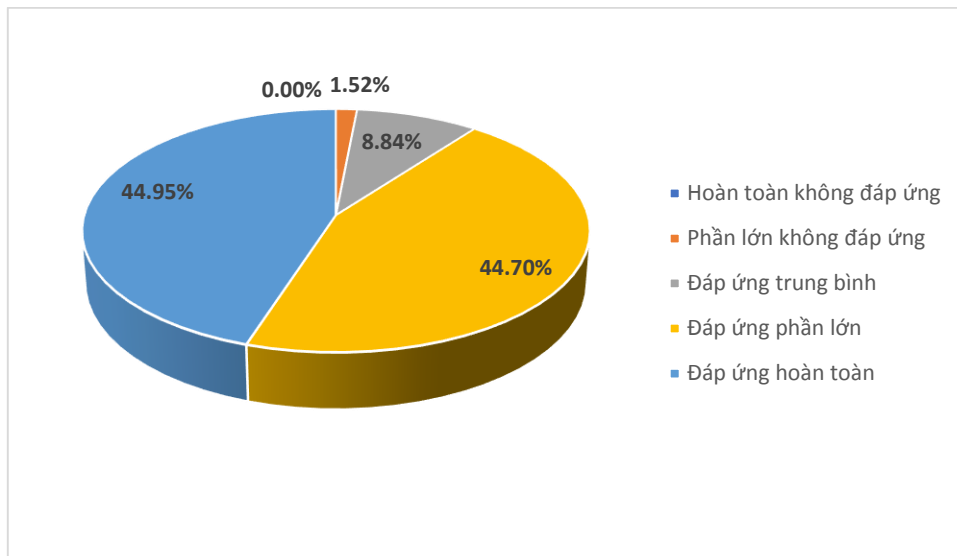
III. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. Kết quả khảo sát đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của học sinh, sinh viên và một số hoạt động khác trong toàn trường

a) Về mức độ đáp ứng của học sinh, sinh viên toàn trường

- Mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp toàn trường được đánh giá ở 3 nhóm tiêu chí về kiến thức, kỹ năng và thái độ với 15 câu hỏi. Các đáp án được

đưa ra trong tiêu chí này bao gồm đáp ứng hoàn toàn và đáp ứng phần lớn, các đáp án đáp ứng trung bình, phần lớn không đáp ứng và hoàn toàn không đáp ứng. Kết quả đánh giá của đơn vị SDLĐ thể hiện qua Biểu đồ 1.

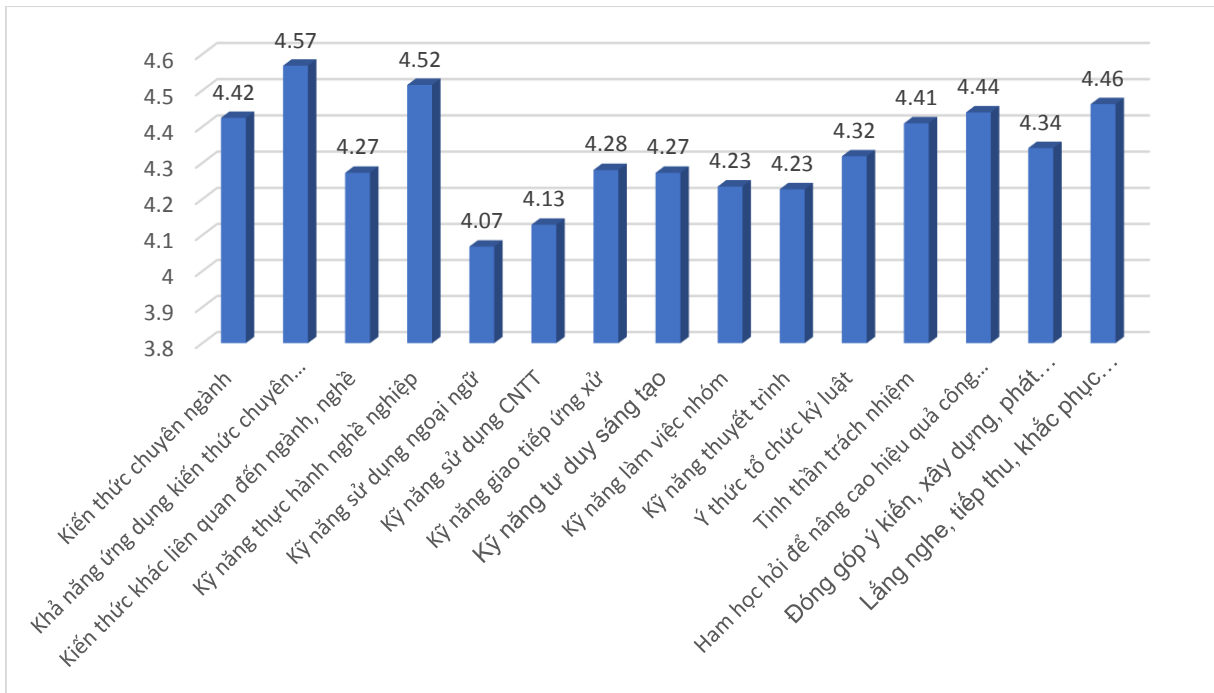


Biểu đồ 1. Tỷ lệ % mức độ đáp ứng công việc của HSSV toàn trường

Có 118 đơn vị đánh giá HSSV ở mức đáp ứng phần lớn trở lên, chiếm tỷ lệ 89.65%, không có đơn vị nào đánh giá HSSV ở mức hoàn toàn không đáp ứng, 02 đơn vị đánh giá HSSV phần lớn không đáp ứng, chiếm tỷ lệ 1.52%, 12 đơn vị đánh giá ở mức đáp ứng trung bình, tỷ lệ 8.84%.

ĐTB của các đơn vị SDLĐ đánh giá mức độ đáp ứng của HSSV toàn trường là 4.33 điểm. Tiêu chí có ĐTB cao nhất là tiêu chí về “*Khả năng ứng dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn*” với 4.57 điểm; tiêu chí có điểm ĐTB thấp nhất là tiêu chí “*Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ*” với 4.07 điểm và “*Kỹ năng sử dụng CNTT*” với 4.13 điểm.

- Điểm bình quân của từng tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng của HSSV được thể hiện qua Biểu đồ 2



Biểu đồ 2. Điểm bình quân đánh giá HSSV ở mức đáp ứng phân theo tiêu chí

- Mức độ đáp ứng công việc của HSSV phân theo kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm:

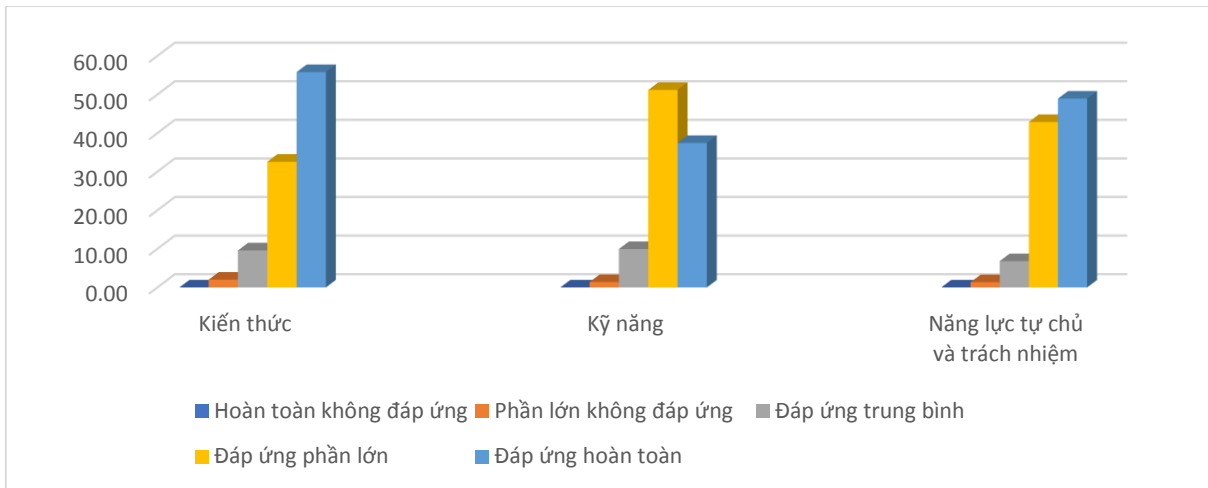
+ Về kiến thức: Có 116.67 đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức đáp ứng phần lớn trở lên, chiếm tỷ lệ 88.38%, 12.67 đơn vị đánh giá ở mức đáp ứng trung bình, chiếm tỷ lệ 9.6%, 2.67 đơn vị đánh giá ở mức phần lớn chưa đáp ứng, chiếm tỷ lệ 2.02%, không có đơn vị đánh giá ở mức hoàn toàn không đáp ứng.

+ Về kỹ năng: Có 117 đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức đáp ứng phần lớn trở lên, chiếm tỷ lệ 88.64%, 13 đơn vị đánh giá ở mức trung bình, chiếm tỷ lệ 9.96%, 02 đơn vị đánh giá ở mức phần lớn không đáp ứng, chiếm tỷ lệ 1.41%, không có đơn vị nào đánh giá hoàn toàn không đáp ứng.

+ Về mức độ tự chủ và trách nhiệm: Có 121 đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức đáp ứng phần lớn trở lên, chiếm tỷ lệ 91.82%, 09 đơn vị đánh giá ở mức trung bình, chiếm tỷ lệ 6.82%, 02 đơn vị đánh giá mức phần lớn không đáp ứng, chiếm tỷ lệ 1.36%, không có đơn vị nào đánh giá hoàn toàn không đáp ứng.

Về điểm bình quân, nhóm đánh giá về kiến thức là 4,42 điểm, nhóm kỹ năng là 4,25 điểm và nhóm năng lực tự chủ và trách nhiệm là 4,39 điểm.

Kết quả đánh giá được thể hiện qua Biểu đồ 3:



Biểu đồ 3. Tỷ lệ % mức độ đáp ứng công việc của HSSV phân theo kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm

Như vậy, nhìn chung nhóm năng lực lý thuyết được các đơn vị SDLĐ đánh giá mức độ cao nhất, kể đến năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm, thấp nhất là năng lực kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng mềm.

Tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá HSSV ở mức đáp ứng phần lớn trở lên được thể hiện qua Biểu đồ 3 như sau:

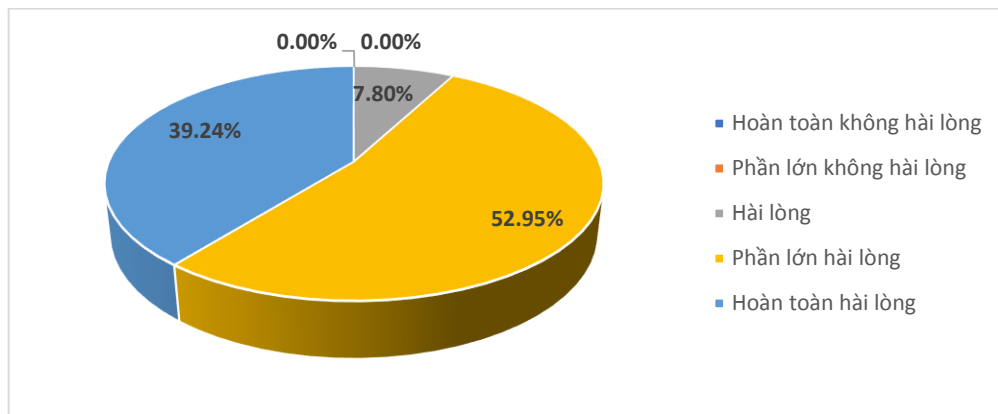


Biểu đồ 3. Tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá HSSV ở mức đáp ứng phần lớn trở lên phân theo tiêu chí

Tiêu chí có tỷ lệ % đơn vị đánh giá từ mức đáp ứng khá trở lên cao nhất là *Lắng nghe, tiếp thu, khắc phục nhược điểm cá nhân (93.94%)*”, tiếp theo là *“Đóng góp ý kiến, xây dựng, phát triển đơn vị”* với 93.18%. Thấp nhất ở tiêu chí *“Kỹ năng tư duy sáng tạo”* với 85.61%.

b) Mức độ hài lòng của đơn vị SDLĐ về chất lượng CTĐT

Mức độ hài lòng của đơn vị SDLĐ về chất lượng CTĐT được hỏi với 7 tiêu chí, đơn vị SDLĐ trả lời ở 5 mức: 1= Hoàn toàn không hài lòng, 2= Không hài lòng, 3= Hài lòng, 4= Khá hài lòng, 5= Rất hài lòng. Kết quả đánh giá của đơn vị SDLĐ thể hiện qua Biểu đồ 4.



Biểu đồ 4. Tỷ lệ % mức độ hài lòng của đơn vị SDLĐ về chất lượng CTĐT tất cả ngành nghề.

Có 124 đơn vị SDLĐ đánh giá về chất lượng CTĐT của tất cả các NN toàn trường ở mức khá hài lòng trở lên, chiếm tỷ lệ 94.2%, không có đơn vị nào đánh giá ở mức hoàn toàn không hài lòng hay không hài lòng, 8 đơn vị đánh giá ở mức hài lòng, tỷ lệ 5.8%.

ĐTB của các đơn vị SDLĐ đánh giá chất lượng CTĐT toàn trường là 4.31 điểm. Tiêu chí có ĐTB cao nhất là tiêu chí về *“CTĐT, GTĐT được xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung và thẩm định có tham gia của đơn vị SDLĐ, cán bộ khoa học kỹ thuật, chuyên gia...”* với 4.44 điểm; tiêu chí có điểm ĐTB thấp nhất là tiêu chí *“Giáo trình đào tạo được xây dựng phù hợp và được thực hiện theo quy định đặc thù của ngành, nghề đào tạo”* với 4.25 điểm.

- Về tiêu chí *“CTĐT, GTĐT được xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung và thẩm định có tham gia của đơn vị SDLĐ, cán bộ khoa học kỹ thuật, chuyên gia...”*, ĐTB của tiêu chí này là 4.44 điểm, tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức khá hài lòng trở lên đạt 94.70%.

- Về tiêu chí “*CTĐT đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng với sự thay đổi của thị trường lao động, yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước*”, ĐTB của tiêu chí này là 4.29 điểm; tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức khá hài lòng trở lên đạt 98.48%.

- Về tiêu chí “*CTĐT được xây dựng phù hợp với công nghệ, thực tiễn SX,KD,DV, dịch vụ của đơn vị*”, ĐTB của tiêu chí này là 4.33 điểm; tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức khá hài lòng trở lên đạt 90.91%.

- Về tiêu chí “*CTĐT được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt chuẩn đầu ra.*”, ĐTB của tiêu chí này là 4.33 điểm, tỷ lệ % đơn vị đánh giá ở mức khá hài lòng trở lên đạt 95.45%.

- Về tiêu chí “*CTĐT được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương.*”, ĐTB của tiêu chí này là 4.22 điểm, tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức khá hài lòng trở lên đạt 98.48%.

- Về tiêu chí “*Môn học, mô đun thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT*”, ĐTB của tiêu chí này là 4.34 điểm, tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức khá hài lòng trở lên đạt 90.91%.

- Về tiêu chí “*Giáo trình đào tạo được xây dựng phù hợp và được thực hiện theo quy định đặc thù của ngành, nghề đào tạo*”, ĐTB của tiêu chí này là 4,25 điểm, tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức khá hài lòng trở lên đạt 90.15%.

(*Kết quả chi tiết về mức độ hài lòng của đơn vị SDLĐ đối với chất lượng CTĐT toàn trường có tại Phụ lục II kèm theo*).

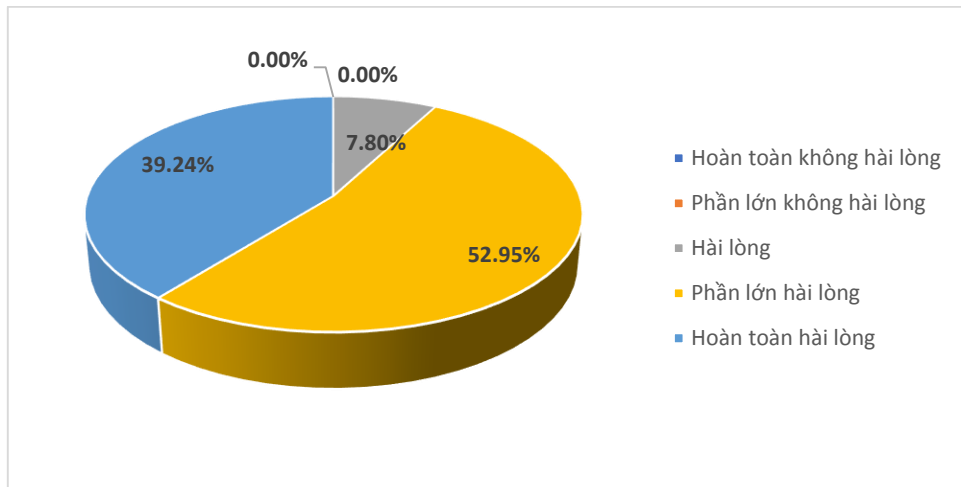
c) Mức độ hài lòng của đơn vị SDLĐ về hoạt động của nhà trường

Có 122 đơn vị SDLĐ đánh giá về hoạt động quản trị của nhà trường ở mức khá hài lòng trở lên, chiếm tỷ lệ 92.2%, 10 đơn vị đánh giá ở mức hài lòng, tỷ lệ 7.8%, không có đơn vị nào đánh giá ở mức hoàn toàn không hài lòng hay không hài lòng.

ĐTB của các đơn vị SDLĐ đánh giá về quản trị nhà trường là 4.3 điểm. Tiêu chí có ĐTB cao nhất là tiêu chí về “*Trường triển khai hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị SDLĐ và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ*” với 4.42 điểm; tiêu chí có điểm ĐTB thấp nhất là tiêu chí “*Thông tin phản hồi và nhu cầu của các*

bên liên quan được sử dụng làm cơ sở để đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của Trường” với 4.21 điểm.

Kết quả đánh giá được thể hiện qua Biểu đồ 5.



Biểu đồ 5. Tỷ lệ % mức độ hài lòng của đơn vị SDLĐ về quản trị nhà trường.

- Về tiêu chí “Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo”, ĐTB của tiêu chí này là 4.39 điểm, tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức khá hài lòng trở lên đạt 92.4%.

- Về tiêu chí “Hiệu trưởng đã lãnh đạo nhà trường gắn bó chặt chẽ với các chương trình đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, bảo đảm cung cấp lao động có kỹ năng chất lượng cao”, ĐTB của tiêu chí này là 4.39 điểm, tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức khá hài lòng trở lên đạt 93.2%.

- Về tiêu chí “Hiệu trưởng đã chỉ đạo tầm chiến lược nhà trường gắn với tiến trình quốc tế hoá và đổi mới các quan hệ đối tác trong thế giới việc làm”, ĐTB của tiêu chí này là 4.33 điểm, tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức khá hài lòng trở lên đạt 91.7%.

- Về tiêu chí “Trang thông tin điện tử của nhà trường được thể hiện ít nhất bằng 2 (hai) ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh”, ĐTB của tiêu chí này là 4.31 điểm, tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức khá hài lòng trở lên đạt 91.7%.

- Về tiêu chí “Trang thông tin điện tử của nhà trường có đầy đủ các nội dung gồm: Cam kết chất lượng đào tạo và chất lượng đào tạo thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính”, ĐTB của tiêu chí này là 4.22 điểm, tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức khá hài lòng trở lên đạt 87.9%.

- Về tiêu chí “*Trường triển khai hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ*”, ĐTB của tiêu chí này là 4.42 điểm, tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức khá hài lòng trở lên đạt 97.7%.

- Về tiêu chí “*Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở để đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của Trường.*”, ĐTB của tiêu chí này là 4.21 điểm, tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức khá hài lòng trở lên đạt 93.2%.

- Về tiêu chí “*HSSV viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng cơ bản sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường*”, ĐTB của tiêu chí này là 4.28 điểm, tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức khá hài lòng trở lên đạt 91.7%.

- Về tiêu chí “*Phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn HSSV thực hành, thực tập tại nơi làm việc*”, ĐTB của tiêu chí này là 4.26 điểm, tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức khá hài lòng trở lên đạt 93.2%.

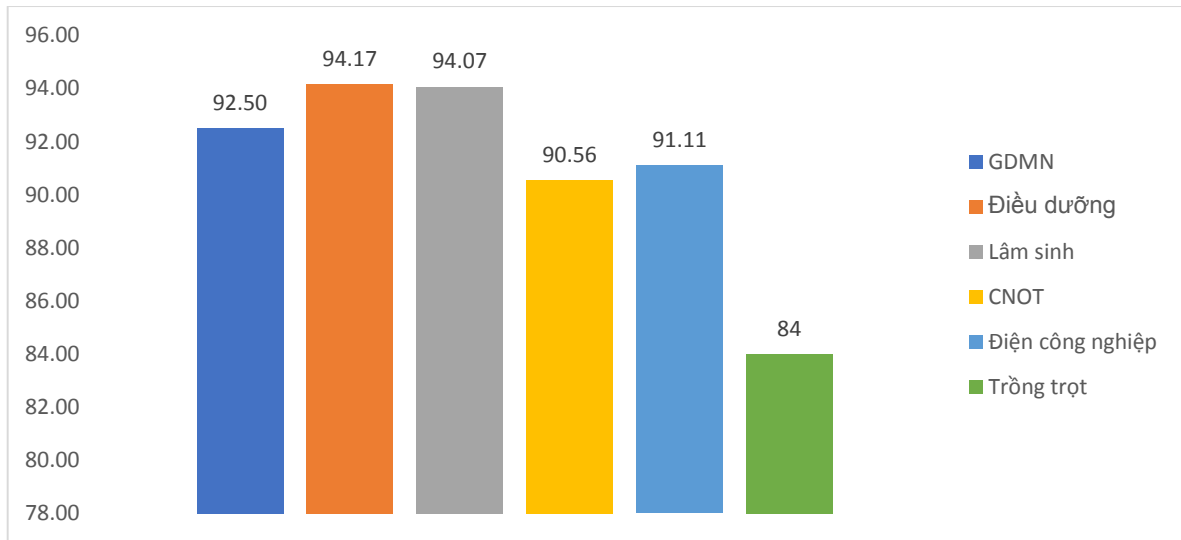
- Về tiêu chí “*Các thiết bị đào tạo của nhà trường đạt mức tương đương công nghệ tiên tiến áp dụng tại doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu triển khai CTĐT*”, ĐTB của tiêu chí này là 4.34 điểm, tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức khá hài lòng trở lên đạt 89.4%.

(chi tiết có tại Phụ lục II kèm theo).

2. Kết quả khảo sát đơn vị sử dụng lao động về chất lượng các chương trình đào tạo

a) Về mức độ đáp ứng của học sinh, sinh viên tốt nghiệp từng ngành nghề

Mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp các NN được đánh giá ở 3 nhóm tiêu chí về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm với 15 câu hỏi. Các đáp án được đưa ra trong tiêu chí này bao gồm đáp ứng hoàn toàn và đáp ứng phần lớn (không cần đào tạo lại), các đáp án đáp ứng trung bình, phần lớn không đáp ứng và hoàn toàn không đáp ứng (phải bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn hoặc cần được đào tạo lại). Kết quả đánh giá của đơn vị SDLĐ đối với từng NN thể hiện qua Biểu đồ 5.



Biểu đồ 6. Tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá mức độ đáp ứng công việc của HSSV ở mức đáp ứng phần lớn trở lên phân theo NN

Tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức đáp ứng phần lớn trở lên cao nhất ở các NN Điều dưỡng với 94.17%, Lâm sinh với 94.07%, Giáo dục mầm non (GDMN) với 82.5%, kể đến là Điện công nghiệp với 91.11% và Công nghệ ô tô (CNOT) với 90.56%; NN có tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá đáp ứng thấp nhất là Trồng trọt với 84%.

ĐBQ về mức độ đáp ứng của HSSV thì HSSV ngành, nghề Điều dưỡng được đơn vị SDLĐ đánh giá đáp ứng cao nhất với 4.47 điểm, kể đến là ngành nghề Điện công nghiệp với 4.4 điểm, các ngành, nghề có điểm tương tự nhau là GDMN, Lâm sinh và CNOT với 4.3 điểm; thấp nhất là NN Trồng trọt với 4.1 điểm.

b) Về chất lượng CTĐT của các ngành nghề

- Về tiêu chí “*CTĐT, GTĐT được xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung và thẩm định có tham gia của đơn vị SDLĐ, cán bộ khoa học kỹ thuật, chuyên gia...*”, NN có ĐTB cao nhất là NN GDMN, CNOT với 4.6 điểm, tiếp theo là NN Điện công nghiệp với 4.5 điểm, NN Lâm sinh, Trồng trọt với 4.4 điểm với 4.3 điểm, thấp nhất là NN Điều dưỡng với 4.38 điểm. Tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức khá hài lòng trở lên cao nhất là NN GDMN, Điện công nghiệp, Lâm sinh với 100%, tiếp theo là NN Điều dưỡng với 87.5%, CNOT 83%, thấp nhất là NN Trồng trọt với 80%.

- Về tiêu chí “*CTĐT đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng với sự thay đổi của thị trường lao động, yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước*”, NN

có ĐTB cao nhất là NN CNOT với 4.7 điểm, tiếp theo là NN Điều dưỡng với 4,5 điểm, Lâm sinh với 4.3 điểm, GDMN 4.2 điểm, Điện công nghiệp 4.17 điểm, thấp nhất là Trồng trọt 3.8 điểm. Tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức khá hài lòng trở lên cao nhất là NN GDMN, CNOT, Điện công nghiệp, Lâm sinh với 100%, tiếp theo là NN Điều dưỡng với 87.5%, thấp nhất là NN Trồng trọt với 80%.

- Về tiêu chí “*CTĐT được xây dựng phù hợp với công nghệ, thực tiễn SX,KD,DV, dịch vụ của đơn vị*”, NN có ĐTB cao nhất là NN Điện công nghiệp với 4.5 điểm, tiếp theo là NN Trồng trọt với 4.4 điểm, GDMN với 4.3 điểm, Điều dưỡng với 4.25 điểm, Lâm sinh và thấp nhất là CNOT với 4.2 điểm. Tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức khá hài lòng trở lên cao nhất là CNOT, Điện công nghiệp là 100%, tiếp theo là NN GDMN với 90%, Điều dưỡng với 87.5%, thấp nhất là NN Trồng trọt với 80%.

- Về tiêu chí “*CTĐT được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt chuẩn đầu ra.*”, NN có ĐTB cao nhất là NN GDMN với 4.6 điểm, tiếp theo là Điện công nghiệp với 4.5 điểm, Trồng trọt với 4.4 điểm, CNOT với 4.2 điểm, Điều dưỡng với 4.0 điểm, thấp nhất là Lâm sinh với 3.9 điểm. Tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức khá hài lòng trở lên cao nhất là GDMN, CNOT, Điện công nghiệp với 100%, tiếp theo là NN Lâm sinh với 89%, Điều dưỡng với 87.5%, thấp nhất là NN Trồng trọt với 80%.

- Về tiêu chí “*CTĐT được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương.*”, NN có ĐTB cao nhất là NN CNOT và Lâm sinh với 4.3 điểm, kế đến là GDMN với 4.2 điểm, Điều dưỡng với 4.13 điểm, Điện công nghiệp với 4.0 điểm, thấp nhất là NN Trồng trọt với 3.8 điểm. Tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức khá hài lòng trở lên cao nhất là GDMN, Lâm sinh, CNOT, Điện công nghiệp với 100%, Điều dưỡng với 87.5%, thấp nhất là NN Trồng trọt với 80%.

- Về tiêu chí “*Môn học, mô đun thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT*”, NN có ĐTB cao nhất là NN Lâm sinh với 4.6 điểm, Trồng trọt với 4.4 điểm, kế đến là GDMN với 4.3 điểm, Điều dưỡng với 4.25 điểm, CNOT với 4.2 điểm, thấp nhất là NN Điện công nghiệp với 4.0 điểm. Tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức khá hài lòng trở lên cao nhất là NN Điện công nghiệp với 100%, GDMN với 90%, Lâm sinh 89%, Điều dưỡng với 87.5%, CNOT 83%, thấp nhất là NN Trồng trọt với 80%.

- Về tiêu chí “*Giáo trình đào tạo được xây dựng phù hợp và được thực hiện theo quy định đặc thù của ngành, nghề đào tạo*”, NN có ĐTB cao nhất là NN Điện công nghiệp với 4.5 điểm, kế đến là GDMN với 4.4 điểm, Điều dưỡng với 4.38 điểm, Trồng trọt với 4.2 điểm, CNOT với 4.2 điểm, thấp nhất là NN Lâm sinh với 4.1 điểm. Tỷ lệ % đơn vị SDLĐ đánh giá ở mức khá hài lòng trở lên cao nhất là NN Điện công nghiệp với 100%, CNOT với 92%, Lâm sinh 89%, GDMN với 88%, Điều dưỡng với 87.5%, thấp nhất là NN Trồng trọt với 80%.

Chi tiết ý kiến phản hồi của đơn vị SDLĐ về Quản trị nhà trường từng NN được đính kèm tại các phụ lục sau:

Phụ lục III: Đánh giá của đơn vị SDLĐ đối với NN GDMN (CĐ)

Phụ lục IV: Đánh giá của đơn vị SDLĐ đối với NN Lâm sinh (CĐ)

Phụ lục V: Đánh giá của đơn vị SDLĐ đối với NN Trồng trọt (TC)

Phụ lục VI: Đánh giá của đơn vị SDLĐ đối với NN Điều dưỡng (CĐ)

Phụ lục VII: Đánh giá của đơn vị SDLĐ đối với NN CNOT (TC)

Phụ lục VIII: Đánh giá của đơn vị SDLĐ đối với NN Điện công nghiệp (TC)

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những điểm mạnh

- HSSV của Trường Cao đẳng Kon Tum được đào tạo bài bản, nhà trường trang bị đủ kiến thức lý thuyết và kiến thức kinh tế - xã hội khác, có khả năng thích ứng và hội nhập nhanh chóng môi trường làm việc thực tế của đơn vị SDLĐ.

- HSSV nắm vững kiến thức chuyên môn nên làm việc hiệu quả, thích nghi với nhiều vị trí công việc và hoàn thành công việc được giao tương đối tốt.

- Mức độ tự chủ và trách nhiệm tốt, doanh nghiệp đánh giá HSSV rất cao ở tiêu chí “*Khả năng học hỏi để nâng cao hiệu quả công việc*” và “*Khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tiễn*”.

Qua một số ý kiến nhận xét, có thể thấy HSSV của Trường được đánh giá tốt về kiến thức và mức độ tự chủ và trách nhiệm. Có ý thức tổ chức kỷ luật, làm việc có tinh thần trách nhiệm, ham học hỏi, biết lắng nghe để khắc phục nhược điểm cá nhân, biết đóng góp ý kiến xây dựng và phát triển đơn vị.

2. Những điểm tồn tại

HSSV mới ra trường nên các kỹ năng ngoại ngữ, sử dụng công nghệ thông tin còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc trong thời kỳ công nghệ thông tin và khoa học kỹ thuật công nghệ mới.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Xuất phát từ những vấn đề tồn tại được các đơn vị SDLĐ phản hồi, trong thời gian đến, đề HSSV sau tốt nghiệp đáp ứng ngày càng cao yêu cầu của các đơn vị SDLĐ, nâng cao chất lượng đào tạo các NN, nhà trường cần:

- Bổ sung vào CTĐT các NN môn học kỹ năng mềm, trong quá trình giảng dạy, nhà giáo cần tăng cường cho HSSV thảo luận nhóm, thuyết trình để rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử và phát huy tính chủ động, sáng tạo của mỗi HSSV.

- Cải tiến phương pháp dạy và học môn ngoại ngữ, tin học, rèn luyện các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh đặc biệt là tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành đào tạo.

- Tăng cường thời gian thực hành, thực tập cho HSSV tại đơn vị SDLĐ. Trong các CTĐT, cần chú trọng rèn luyện kỹ năng thực hành nghề cho HSSV.

- Tiếp tục duy trì việc xây dựng CTĐT các NN có sự tham gia góp ý của đơn vị SDLĐ để sản phẩm đào tạo của nhà trường đáp ứng yêu cầu xã hội. Nhà trường cần rèn luyện cho HSSV khả năng tự học, tự tìm hiểu để nâng cao kiến thức, kỹ năng trong quá trình được đào tạo tại trường.

Trên đây là báo cáo kết quả khảo sát đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của học sinh, sinh viên tốt nghiệp, hoạt động của nhà trường và chất lượng chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Đăng Website Trường;
- Lưu: VT, KNHTDN.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Văn Chung